

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2011, từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011 (từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012).

Công ty

Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư số 3700791715 ngày 24 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 71.925.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/03/2012 là 71.925.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
Chi nhánh TPHCM	63 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Chi nhánh Tây Ninh	Ấp Long Bình- Long Thành Nam - Hòa Thành - Tây Ninh
Chi nhánh Trà Vinh	Ấp Bến Cỏ - Xã Nguyệt Hóa - Huyện Châu Thành - Trà Vinh
07 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc Công ty và các chi nhánh.	

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2011 (từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012) là 12.838.084.345 VND. Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2010 (từ ngày 01/04/2010 đến ngày 31/03/2011) là 9.065.495.585 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2012 là 12.936.418.263 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2011 là 9.060.576.093 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Nguyễn Minh Trục	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông :	Nguyễn Anh Kiệt	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hữu Chính	Thành viên
Ông :	Huỳnh Xuân Hồng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hải Trung	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Huỳnh Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông :	Lý Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Huỳnh Văn Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên BKS
Ông :	Hồ Văn Thiện	Thành viên BKS



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày tháng năm 2012

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc 

Huỳnh Xuân Hồng

Số : 375/2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính năm 2011
bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 31/03/2012
của Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec*

Kính gửi: - Các cổ đông Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec được lập ngày 25/04/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012 được trình bày từ trang 7 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế của phạm vi kiểm toán

Tại ngày 31/03/2012, chúng tôi không có điều kiện để tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm kiểm toán cho quý Công ty cũng như không thể thực hiện được những thủ tục thay thế hữu hiệu khác. Do đó, số liệu của các khoản mục này chúng tôi căn cứ vào số liệu trong sổ sách của đơn vị.

Trong Báo cáo tài chính năm 2008, Công ty có nhận khoản vốn góp của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu - Petec Land số tiền 10 tỷ VND, trong đó thực góp là 2 tỷ đồng bằng tiền và 8 tỷ đồng bằng hình thức đầu tư qua lại (thực chất là công nợ) giữa hai bên, do đó ảnh hưởng đến số dư đầu kỳ qua các năm tài chính và cả năm tài chính 2011 của khoản mục vốn chủ sở hữu.

Ý kiến của kiểm toán viên:

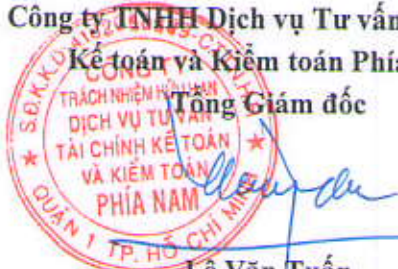
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 9. tháng 5. năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai

Chứng chỉ KTV số: 0848/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/04/2011
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		159.959.771.515	75.320.946.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	11.649.060.167	10.063.323.459
1. Tiền	111		5.849.060.167	10.063.323.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.800.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		44.622.710.834	50.965.236.380
1. Phải thu khách hàng	131		32.891.831.984	25.491.343.011
2. Trả trước cho người bán	132		11.206.895.165	24.754.328.285
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	523.983.685	719.565.084
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	3	95.075.111.290	10.094.986.663
1. Hàng tồn kho	141		95.075.111.290	10.094.986.663
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.612.889.224	4.197.400.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.265.017.548	2.712.525.445
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.347.871.676	1.484.874.912
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		116.288.737.224	113.303.406.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/04/2011
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		57.277.148.894	61.195.467.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4	52.727.048.894	55.190.680.662
- Nguyên giá	222		65.474.942.102	64.077.030.018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.747.893.208)	(8.886.349.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5	4.550.100.000	4.550.100.000
- Nguyên giá	228		4.550.100.000	4.550.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6	-	1.454.686.368
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.554.567.000	21.554.567.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	7	21.554.567.000	21.554.567.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		37.457.021.330	30.553.372.791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	37.237.521.330	30.255.872.791
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		219.500.000	297.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		276.248.508.739	188.624.353.680

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/04/2011
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		190.743.387.814	107.582.878.414
I. Nợ ngắn hạn	310		167.741.768.499	84.835.910.509
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	69.527.555.186	-
2. Phải trả người bán	312		72.472.875.515	72.918.042.853
3. Người mua trả tiền trước	313		23.629.356.620	9.039.648.158
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	976.198.519	400.447.322
5. Phải trả công nhân viên	315		247.272.084	244.565.058
6. Chi phí phải trả	316	11	80.377.292	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	784.990.118	2.226.948.577
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	15.6	23.143.165	6.258.541
II. Nợ dài hạn	330		23.001.619.315	22.746.967.905
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	13	1.878.681.601	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	11.258.678.626	14.482.941.964
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		9.864.259.088	8.264.025.941
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	15	85.505.120.925	81.041.475.266
I. Vốn chủ sở hữu	410		85.505.120.925	81.041.475.266
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		99.568.096	55.399.173
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		543.634.566	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.936.418.263	9.060.576.093

CÔNG TY
NHIỆM VỤ
TƯ VẤN
HÌNH KẾ T
KẾ TOÁN
PHIA NAM
T.P. HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/04/2011
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		276.248.508.739	188.624.353.680

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2012	01/04/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.762,67	291.895,10
- EUR		200,72	200,52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu



Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Đức

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	1.063.204.140.115	582.087.424.101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.063.204.140.115	582.087.424.101
4. Giá vốn hàng bán	17	1.035.108.394.809	572.250.706.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.095.745.306	9.836.717.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	4.852.498.707	13.830.286.462
7. Chi phí tài chính	18	8.153.977.069	6.763.061.790
+ Trong đó: chi phí lãi vay		5.672.453.727	2.267.898.035
8. Chi phí bán hàng		3.559.638.541	1.526.368.870
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.554.646.235	5.874.484.972
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.679.982.168	9.503.088.003
11. Thu nhập khác	16.3	1.248.356.693	131.736.363
12. Chi phí khác	19	1.114.055.997	182.157.724
13. Lợi nhuận khác		134.300.696	(50.421.361)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.814.282.864	9.452.666.642
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	976.198.519	387.171.057
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.838.084.345	9.065.495.585
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.785	1.260

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Đức

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm 2011**(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.124.310.545.475	604.456.994.702
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.180.932.377.737)	(586.303.363.585)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.793.218.842)	(7.131.298.263)
4. Tiền chi trả lãi vay		(5.592.076.435)	(2.267.898.035)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(387.171.057)	(14.664.828)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		27.591.118.776	23.734.583.427
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.021.769.816)	(4.263.998.131)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(52.824.949.636)	28.210.355.287
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.189.557.791)	(4.892.473.370)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(247.272.894.103)	(61.556.031.869)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		241.472.894.103	63.056.031.869
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(11.554.567.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.523.047.162	446.427.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.466.510.629)	(14.500.612.371)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		377.742.346.642	35.282.770.042
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(311.340.385.968)	(37.712.033.382)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.166.581.556)	(1.862.855.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		59.235.379.118	(4.292.119.090)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.056.081.147)	9.417.623.826

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm 2011**(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.063.323.459	642.373.122
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.641.817.855	3.326.511
Tiền và tương đương tiền cuối năm		11.649.060.167	10.063.323.459

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu



Vũ Xuân Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Đức

Tổng Giám đốc



Huỳnh Xuân Hồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Kho Vận Petec được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000331 lần đầu ngày 11/04/2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư số 3700791715 ngày 24 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 71.925.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/03/2012 là 71.925.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải đường biển);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến);
- Xây dựng nhà các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ than đá);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: bán buôn cà phê, chè, thủy sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: cho thuê nhà xưởng, kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (chi tiết: bán buôn sắt thép);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn cao su);
- Bán buôn hàng may sẵn, giày dép (chi tiết: bán buôn hàng may mặc);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ xăng dầu - không hoạt động tại địa điểm trụ sở chính);
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (chi tiết: bán buôn phân bón);
- Xây xát và sản xuất bột thô.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ ngắn hạn (dưới 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

508H
CÔNG TY
CHÍNH SÁCH
TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
BÚT HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	08 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2011**(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)*

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ sau: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
Tiền mặt	289.668.362	383.272.012
Tiền gửi ngân hàng	5.559.391.805	9.680.051.447
Tiền gửi VND	5.517.161.548	3.631.210.464
Tiền gửi ngoại tệ	42.230.257	6.048.840.983
USD	36.706.643	6.043.104.255
EUR	5.523.614	5.736.728
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	5.800.000.000	-
Ngân hàng An Bình	5.800.000.000	

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/03/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/03/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận sổ dư của Ngân hàng.

Tổng cộng	11.649.060.167	10.063.323.459
-----------	----------------	----------------

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
	523.983.685	719.565.084
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	
3. Phải thu về lao động	-	
4. Phải thu khác	523.983.685	719.565.084
Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/03/2012 là:		
+ CNCNV Công Ty CP Kho Vận Petec	243.952.131	
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm Ngân Hàng An Bình	69.922.222	
+ Các đối tượng khác	210.109.332	
Tổng cộng	523.983.685	

3. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	71.321.616	36.370.474
- Công cụ, dụng cụ	46.184.446	65.340.792
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	94.957.605.228	9.993.275.397
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	95.075.111.290	10.094.986.663

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

4. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	49.241.627.126	1.987.199.627	12.411.535.926	270.255.214	166.412.125	64.077.030.018
2. Số tăng trong năm	-	-	1.647.390.000	43.636.370	-	1.691.026.370
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	-	-	1.647.390.000	43.636.370	-	1.691.026.370
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	293.114.286	-	-	293.114.286
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	293.114.286	-	-	293.114.286
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	49.241.627.126	1.987.199.627	13.765.811.640	313.891.584	166.412.125	65.474.942.102
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	5.384.945.190	379.678.395	2.975.058.638	98.952.963	47.714.170	8.886.349.356
2. Khấu hao trong năm	2.366.281.741	210.259.112	1.317.465.022	38.742.958	20.801.446	3.953.550.279
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	2.366.281.741	210.259.112	1.317.465.022	38.742.958	20.801.446	3.953.550.279
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	92.006.427	-	-	92.006.427
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	92.006.427	-	-	92.006.427
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	7.751.226.931	589.937.507	4.200.517.233	137.695.921	68.515.616	12.747.893.208
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	43.856.681.936	1.607.521.232	9.436.477.288	171.302.251	118.697.955	55.190.680.662
2. Tại ngày cuối năm	41.490.400.195	1.397.262.120	9.565.294.407	176.195.663	97.896.509	52.727.048.894

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình	4.550.100.000					4.550.100.000
1. Số dư đầu năm						
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Mua trong năm						-
- Tặng khác						-
3. Số giảm trong năm						-
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						-
4. Số dư cuối năm	4.550.100.000	-	-	-	-	4.550.100.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm						-
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm:						
- Khấu hao tăng trong năm						-
- Tăng khác						-
3. Giảm trong năm						-
Bao gồm:						
- Thanh lý nhượng bán						-
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH	4.550.100.000					4.550.100.000
1. Tại ngày đầu năm	4.550.100.000	-	-	-	-	4.550.100.000
2. Tại ngày cuối năm						

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Chi phí XDCCB dở dang	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	672.000.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	782.686.368
Tổng cộng	-	1.454.686.368

7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/03/2012 VND		01/04/2011 VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
Tổng Công Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	549.027	11.554.567.000	549.027	11.554.567.000
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật xăng dầu (Petec Land)	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
		21.554.567.000		21.554.567.000

Ghi chú:

Tỷ lệ góp vốn của Công Ty CP Kho Vận Petec vào Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư (PETEC) là 0,22%, giá mua là 21.045 đồng/cổ phiếu.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Chi phí trả trước về thuê đất	33.012.285.372	25.883.032.342
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	4.164.214.508	4.259.514.875
- Chi phí sửa chữa nhà	61.021.450	113.325.574
Tổng cộng	37.237.521.330	30.255.872.791

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
9.1. Vay ngắn hạn	69.527.555.186	-
- Vay ngân hàng	69.527.555.186	-
Ngân Hàng TMCP Quốc Tế	2.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Quốc Tế (3.242.153 USD)	67.527.555.186	-
- Vay đối tượng khác	-	-
9.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	69.527.555.186	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
10.1. Thuế phải nộp nhà nước	976.198.519	400.447.322
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	976.198.519	387.171.057
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	13.276.265
+ Thuế thu nhập cá nhân	-	13.276.265
+ Các loại thuế khác	-	-
10.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	976.198.519	400.447.322

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Trích trước chi phí lãi vay	80.377.292	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Tổng cộng	80.377.292	-

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH, BHTN	32.190.397	111.948.012
- KPCĐ	44.872.468	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.706.778.511
- Cổ tức phải trả	-	244.471.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	707.927.253	163.751.054
Tổng cộng	784.990.118	2.226.948.577

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/03/2012 là:

+ Cổ tức phải trả	270.439.444
+ Công Ty CP KCN Nam Tân Uyên	201.615.040
+ Công Ty CP Bảo Hiểm Nhà Rộng	21.908.363
+ Phạm Tấn Thịnh	27.539.114
+ Nguyễn Văn Hòa	16.000.000
+ Các đối tượng khác	170.425.292

Tổng cộng	707.927.253
------------------	--------------------

13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.878.681.601	
Trong đó:		
+ Công Ty TNHH Louis Dreyfus Commodities VN (75.949,76 USD)	1.581.881.601	-
+ CN Công Ty TNHH SX TM Liên Hưng	296.800.000	-
Tổng cộng	1.878.681.601	-

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
14.1. Vay dài hạn	11.258.678.626	14.482.941.964
- Vay ngân hàng (Ngân Hàng Đông Á - CN Bình Dương)	11.258.678.626	14.482.941.964
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
14.2. Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	11.258.678.626	14.482.941.964

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	71.925.500.000	-	-	-	-	9.060.576.093
- Tăng trong năm	-	-	-	-	543.634.566	12.838.084.345
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	12.838.084.345
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	543.634.566	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	8.962.242.175
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCB	-	-	-	-	-	1.449.692.175
- Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
- Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	543.634.566
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	906.057.609
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	320.000.000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	7.192.550.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư cuối năm	71.925.500.000	-	-	-	543.634.566	12.936.418.263

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)****Đơn vị tính: VND****15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	71.925.500.000	100%	71.925.500.000	100%
Trong đó:				
- <i>Pháp nhân</i>	39.000.000.000	54,22%	39.000.000.000	54,22%
- <i>Thế nhân</i>	32.925.500.000	45,78%	32.925.500.000	45,78%
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng	71.925.500.000	100%	71.925.500.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	71.925.500.000	71.925.500.000
+ Vốn góp đầu năm	71.925.500.000	71.925.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	71.925.500.000	71.925.500.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	7.192.550.000	2.157.765.000

15.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

dự kiến 12%

10%

15.5. Cổ phiếu

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.192.550	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.192.550	7.192.550
+ Cổ phiếu thường	7.192.550	7.192.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.192.550	7.192.550
+ Cổ phiếu thường	7.192.550	7.192.550
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2012 VND	01/04/2011 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	543.634.566	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23.143.165	6.258.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

15.6.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

15.6.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

15.6.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

15.6.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)

Đơn vị tính: VND

16. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
16.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	1.063.204.140.115	582.087.424.101
+ Doanh thu bán hàng	1.014.058.995.353	549.409.164.134
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.145.144.762	32.678.259.967
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	1.063.204.140.115	582.087.424.101
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	1.014.058.995.353	549.409.164.134
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	49.145.144.762	32.678.259.967
16.2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.852.498.707	13.830.286.462
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.260.969.384	446.427.999
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	332.000.000	-
- Lãi bán ngoại tệ	2.906.316.237	13.073.448.841
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	353.213.086	310.409.622
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
16.3. Thu nhập khác	1.248.356.693	131.736.363
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.200.909.093	131.436.363
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	47.447.600	300.000

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	1.004.738.344.311	551.275.676.676
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.370.050.498	20.975.030.252
Tổng cộng	1.035.108.394.809	572.250.706.928

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Chi phí lãi vay	5.672.453.727	2.267.898.035
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.481.523.342	4.495.163.755
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Tổng cộng	8.153.977.069	6.763.061.790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2011**(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)**Đơn vị tính: VND***19. CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.110.079.227	180.134.527
- Chi phí khác	3.976.770	2.023.197
Tổng cộng	1.114.055.997	182.157.724

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	976.198.519	387.171.057
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	976.198.519	387.171.057

Ghi chú:

Theo như quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, thuế TNDN Công ty phải nộp được ưu đãi như sau:

- + Thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng trong 10 năm từ khi đi vào hoạt động kinh doanh.
- + Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.814.282.864	9.452.666.642
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	131.410.266	583.711.437
+ Các khoản điều chỉnh tăng	463.410.266	583.711.437
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(332.000.000)	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	13.945.693.130	10.036.378.079
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.394.569.313	387.171.057
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính	418.370.794	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	976.198.519	387.171.057
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.838.084.345	9.065.495.585

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2011**(từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012)**Đơn vị tính: VND***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chỉ tiêu	<i>Năm 2011</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.833.798.776	3.217.575.936
2. Chi phí nhân công	10.021.475.537	3.804.074.394
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	3.953.550.279	3.665.689.387
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.029.534.007	8.833.742.511
5. Chi phí khác bằng tiền	4.732.658.670	1.453.948.024
Tổng cộng	41.571.017.269	20.975.030.252

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Vũ Xuân Hiền**Kế toán trưởng**

Nguyễn Lê Đức*Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2012***Tổng Giám đốc****Huỳnh Xuân Hồng**